

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 119/2019/KDTM-ST

Ngày: 29/11/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Ngọc Thanh

2/ Bà Nguyễn Thị Bông Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 77/2018/KTST ngày 07 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2019/QĐST-XX-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2019/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP P1

Địa chỉ: 25 Bis N1, phường B1, quận X, Tp.HCM

Người đại diện theo ủy quyền : ông Trần Lăng T2

Bị đơn : Công ty cổ phần thiết kế - mỹ thuật in bao bì Đ1

Trụ sở : 55/18B B2, phường T2, quận T3, Tp.HCM.

Người đại diện theo pháp luật : ông Nguyễn Đạo A2

Địa chỉ : 55/18B B2, phường T2, quận T3, Tp.HCM.

(Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – có đơn xin vắng mặt, người đại diện theo pháp luật của bị đơn – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(Ngân hàng TMCP P1 gọi tắt là Ngân hàng và Công ty cổ phần thiết kế - mỹ thuật in bao bì Đ1 gọi tắt là công ty Đ1)

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 09 năm 2018 và tại bản tự khai, các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1 có ông Trần Lăng T2 trình bày: Ngân hàng và công ty Đ1 ký kết hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 063/09/HĐTD ngày 13/11/2009 với khế ước nhận nợ số 063/09/KUVT ngày 17/11/2009, ngày giải ngân 17/11/2009, lãi suất 10.5%/năm, số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Máy in offset 4 màu hiệu Mitsubishi Daiya 2F-4, mã hàng hóa B443130000, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 1994 thuộc sở hữu của công ty Đ1 theo hợp đồng mua bán máy in 4 màu hiệu Mitsubishi Daiya 2F-4 số 46/CKI-TV ký kết vào ngày 26/8/2009 giữa bên bán Công ty cổ phần cơ khí ngành in và bên mua là công ty Đ1 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 063/09/HĐTC ngày 13/11/2009 được công chứng tại Văn phòng công chứng Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 16/11/2009 và được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Nay, nguyên đơn yêu cầu :

-Buộc công ty Đ1 phải thanh toán làm một lần toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2018 là 1.017.619.681 đồng trong đó tiền gốc là 365.200.000 đồng, lãi trong hạn 85.353.707 đồng, lãi quá hạn 567.065.974 đồng.

- Trường hợp công ty Đ1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo là Máy in offset 4 màu hiệu Mitsubishi Daiya 2F-4, mã hàng hóa B443130000, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 1994. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của công ty Đ1 thì yêu cầu công ty Đ1 phải tiếp tục trả hết khoản nợ.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của công ty Đ1 không đến và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của công ty đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ngày 23/10/2019, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Lăng T2 có nộp cho Tòa án bảng chiết tính lãi và vốn tạm tính đến ngày 17/10/2019 là 1.170.779.783 đồng trong đó tiền nợ gốc là 365.200.000 đồng, lãi trong hạn 85.353.707 đồng, lãi quá hạn 720.226.076 đồng và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và cam kết nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh

chấp, xác định tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ đều tuân đúng quy định pháp luật theo các Điều 68, từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định tại các Điều 239, 241, 254, 236, 237, 239 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thời hạn gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát chưa đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và chưa thực hiện đúng quy định về thời hạn Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vi phạm này không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú kiến nghị khắc phục.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 11, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước. Điều 54, Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 sửa đổi năm 2004. Đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 063/09/HĐTD ngày 13/11/2009 với khế ước nhận nợ số 063/09/KUVT ngày 17/11/2009, ngày giải ngân 17/11/2009, lãi suất 10.5%/năm, số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng được ký kết giữa Ngân hàng và công ty Đ1 thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Công văn số 2150 của Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Công ty Đ1 không có treo bảng hiệu, không đặt văn phòng, không hoạt động kinh doanh tại chi nhánh 18 C1, khu phố 3, phường L1, quận T5, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác nhận công ty Đ1 không có chi nhánh hoạt động tại địa chỉ trên và lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở chính của bị đơn để xét xử vụ án. Công văn số 1689/ĐKKD – THKT ngày 28/3/2019 của Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh xác nhận công ty Đ1 có trụ sở chính tại địa chỉ 55/18B B2, phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là phù hợp theo qui định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Ngân hàng là nguyên đơn, công ty Đ1 là bị đơn hoàn toàn phù hợp theo đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự :

- Đối với người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn .

- Đối với bị đơn công ty Đ1: Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo quy định pháp luật nhưng người đại diện bị đơn vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

Xét hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 063/09/HĐTD ngày 13/11/2009 với khế ước nhận nợ số 063/09/KUVT ngày 17/11/2009, ngày giải ngân 17/11/2009, lãi suất 10.5%/năm, số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng, Hợp đồng thế chấp tài sản số 063/09/HĐTC ngày 13/11/2009 có công chứng tại Văn phòng công chứng Bà Rịa – Vũng Tàu, Đơn yêu cầu đăng ký dịch vụ bảo đảm, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa Ngân hàng và công ty Đ1 có sự thỏa thuận theo quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Máy in offset 4 màu hiệu Mitsubishi Daiya 2F-4, mã hàng hóa B443130000, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 1994 thuộc sở hữu của công ty Đ1 theo hợp đồng mua bán máy in 4 màu hiệu Mitsubishi Daiya 2F-4 số 46/CKI-TV ký kết vào ngày 26/8/2009 giữa bên bán Công ty cổ phần cơ khí ngành in và bên mua là công ty Đ1 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 063/09/HĐTC ngày 13/11/2009 được công chứng tại Văn phòng công chứng Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 16/11/2009 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng. Công văn số 256/2019/Ta ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú và biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 11/9/2019, Công ty cổ phần cơ khí ngành in có xác nhận giữa công ty và công ty Đ1 có ký kết hợp đồng số 46/CKI-TV ngày 26/8/2009 về việc thực hiện mua bán Máy in offset 4 màu hiệu Mitsubishi Daiya 2F-4, mã hàng hóa B443130000, xuất xứ Nhật Bản. Như vậy, Công ty Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, gây khó khăn cho phía nguyên đơn. Ngày 23/10/2019, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Lăng T2 có nộp cho Tòa án bảng chiết tính lãi và vốn tạm tính đến ngày 17/10/2019 là 1.170.779.783 đồng trong đó tiền nợ gốc là 365.200.000 đồng, lãi trong hạn 85.353.707 đồng, lãi quá hạn 720.226.076 đồng. Căn cứ vào Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 ; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn Công ty cổ phần thiết kế - mỹ thuật in bao bì Đ1 phải

chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1 không phải chịu án phí .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 179, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 ; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017. Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1

- Buộc Công ty cổ phần thiết kế - mỹ thuật in bao bì Đ1 phải thanh toán toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 17/10/2019 là 1.170.779.783 đồng trong đó tiền nợ gốc là 365.200.000 đồng, lãi trong hạn 85.353.707 đồng, lãi quá hạn 720.226.076 đồng.

- Thời hạn thanh toán: làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Lãi suất tiếp tục phát sinh cho đến khi Công ty cổ phần thiết kế - mỹ thuật in bao bì Đ1 thanh toán xong số nợ trên theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 063/09/HĐTD ngày 13/11/2009 với khế ước nhận nợ số 063/09/KUVT ngày 17/11/2009.

Trường hợp Công ty cổ phần thiết kế - mỹ thuật in bao bì Đ1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P1 thì yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo là Máy in offset 4 màu hiệu Mitsubishi Daiya 2F-4, mã hàng hóa B443130000, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 1994. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty cổ phần thiết kế - mỹ thuật in bao bì Đ1 thì yêu cầu Công ty cổ phần thiết kế - mỹ thuật in bao bì Đ1 phải tiếp tục trả hết khoản nợ.

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần thiết kế - mỹ thuật in bao bì Đ1 phải nộp số tiền: 47.123.393 (bốn mươi bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn ba trăm chín mươi ba) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 21.264.295 (hai mươi một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi năm) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0012157 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TMCP P1 .

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hiền